

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/ HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 10 năm 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ký

Ông Nguyễn Văn Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐHPT - HNGĐ ngày 16/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1973

HKTT: Xóm Nam Thành, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Hiện nay trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1966

Địa chỉ: Xóm N, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị V, anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị V trình bày: Chị kết hôn V anh Trần Văn L hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phong vào ngày 09 tháng 12 năm 1992. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau. Anh L thường xuyên uống rượu, chửi bới vợ con và không quan tâm đến vợ con nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị V đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, nhiều lần chị khuyên anh L sửa chữa tính cách nhưng anh L luôn coi thường chị, chửi bới chị nhiều hơn. Năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra càng căng thẳng hơn anh L thường xuyên chửi, đánh đập chị V. Cũng thời điểm này con gái chị V đi xây dựng gia đình và con trai đi làm ở Hà Nội, chị V đã bỏ vào Miền Nam làm ăn sau đó bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Yên Thành sinh sống từ đó đến nay. Từ đầu năm 2014 chị V và anh L đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Năm 2017 anh L bị ngã gãy chân chị V cũng không giám về để chăm sóc anh L bởi mỗi lần nhìn thấy chị V anh L mượn rượu để chửi bới, đánh đập chị. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô giải quyết cho chị được ly hôn V anh L.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh L trình bày: Về quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn như chị V trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L chung sống hạnh phúc và đã sinh được hai con. Đến năm 2013 thì vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị V đi chăm mẹ anh L ở Bệnh viện Ninh Bình, chị V có quan hệ bất chính V người đàn ông tên Mạnh ở Gia Viễn. Sau đó chị V đã có quan hệ V người đàn ông khác tại nhà nghỉ Thành Đạt và nhiều lần chị V dựa vào việc đi lễ chùa để đi quan hệ bất chính V người khác. Chị V có quan hệ V người đàn ông khác anh L không biết chính xác mà anh chỉ nghi ngờ khi thấy chị V nhắn tin, điện thoại V người tên là Mạnh và có lần anh thấy xe chị V để xe tại nhà nghỉ Thành Đạt. Đến năm 2014 chị V bỏ đi Miền Nam mà không xin phép anh, sau đó chị V bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Yên Thành sinh sống. Từ khi chị V bỏ đi anh cũng đi tìm và thuyết phục chị V về đoàn tụ, nhưng chị V cũng không về. Năm 2017 anh bị ngã gãy chân các con đã thông báo cho chị V biết, nhưng chị V không về chăm sóc anh. Nay anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh V chị V không còn nhưng anh chỉ đồng ý ly hôn chị V V điều kiện hai vợ chồng phải làm xong thủ tục tặng cho nhà, đất cho các con. Nếu chưa làm xong thủ tục tặng cho nhà, đất cho các con thì anh không đồng ý ly hôn. Đến nay con anh chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vậy anh không đồng ý ly hôn V chị V.

Về con chung:

Chị V và anh L đều trình bày: Vợ chồng có hai con chung tên cháu là Trần Đức Long, sinh năm 1993 và cháu Trần Thị Mỹ Linh, sinh năm 1996. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành, lao động tự lập nên chị V và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ

Trong đơn khởi kiện chị V trình bày: Tài sản chung vợ chồng gồm có 01 Nhà mái bằng hai tầng khoảng 140m² xây trên đất của bố mẹ chồng tại xóm Nam Thành, xã Yên Phong, huyện Yên Mô. Một thửa đất ở có diện tích 99,9m² tại xóm Nam Thành, xã Yên Phong, huyện Yên Mô đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Trần Văn L và chị Bùi Thị V. Một thửa đất ở có diện tích 137,7m² tại xã Yên Thành, huyện Yên Mô đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền V đất mang tên anh Trần Văn L và chị Bùi Thị V. Về công nợ: Chị V và anh L có nợ anh Bùi Văn Thế và chị Trương Thị Lan ở thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình V số tiền là 52.502.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm linh hai nghìn đồng). Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 14/8/2018 chị Bùi Thị V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng.

Tại các bản khai, biên bản hòa giải anh L trình bày: Về tài sản chung và công nợ để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô V Ủy ban nhân dân xã Yên Phong đã cung cấp như sau: Chị Bùi Thị V và anh Trần Văn L lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/1992. Sau khi kết hôn chị V và anh L chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống. Anh L thường xuyên uống rượu, chửi vợ con, nhiều lần anh L và chị V đánh chửi nhau. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đến năm 2014 chị V đã bỏ về nhà bố mẹ của chị ở xã Yên Thành, huyện Yên Mô ở từ đó cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị V vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn V anh L vì tình cảm giữa chị và anh L không còn. Về tài sản chung, công nợ chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh L chỉ đồng ý ly hôn khi anh và chị V làm xong thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và sở hữu nhà cho con anh, con anh có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh mới đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Đối V các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật trong các lần đến Tòa án làm việc đã hủy tài liệu trong hồ sơ Tòa án đã lập biên bản vi phạm; vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/10/2018 không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Cho chị Bùi Thị V được ly hôn V anh Trần Văn L.

Về con chung: Các cháu con anh L chị V đã trưởng thành, anh chị không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ngày 14/8/2018 chị V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Việc rút yêu cầu về phần tài sản chung, công nợ chung của chị V là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị V về phân chia tài sản chung và công nợ của vợ chồng.

Về án phí: Chị V phải nộp án phí ly hôn: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị V số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung và công nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Bùi Thị V và bị đơn anh Trần Văn L đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Nam Thành, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Do đó căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Trần Văn L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phong. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L hay nghi ngờ chị V có quan hệ ngoại tình V người đàn ông khác, anh L hay uống rượu và chửi bới vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi, không tôn trọng nhau. Chị V đã khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng, nhiều lần khuyên anh L từ bỏ rượu để vợ chồng nuôi dạy con nhưng anh L không thay đổi tính cách luôn coi thường và chửi bới chị V nhiều hơn. Đến năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng anh L chị V ngày càng căng thẳng hơn, anh L thường xuyên chửi đánh đập chị V một cách vô cớ. Khi các con của anh L chị V đã trưởng thành xây dựng gia đình và đi làm ăn xa, chị V đã bỏ nhà vào Miền Nam làm ăn sau đó về nhà bố mẹ chị đẻ sinh sống. Từ năm 2014 đến nay chị V và anh L sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, kể cả khi anh L ngã gãy chân chị V cũng không về thăm hay chăm sóc cho anh L. Đến nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị V đề nghị xin ly hôn anh L. Anh L cũng thừa nhận tình cảm vợ

chồng không còn nhưng anh L chỉ đồng ý ly hôn chị V khi anh chị đã làm xong thủ tục tặng cho nhà, đất cho các con, các con của anh chị có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, nay chưa làm xong thủ tục tặng cho nhà đất nên anh không đồng ý ly hôn V chị V. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L, chị V đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân đã lâu không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau; chính quyền địa phương nơi anh L chị V cư trú cũng xác nhận anh chị mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, anh L chị V thường xuyên đánh chửi và không tôn trọng nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị V, xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn V anh Trần Văn L là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị V và anh L có hai con chung cháu Trần Đức Long, sinh năm 1993 và cháu Trần Thị Mỹ Linh, sinh năm 1996. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành, lao động tự lập. Chị V và anh L đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung và công nợ: Tại đơn khởi kiện chị V đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 Nhà mái bằng hai tầng khoảng 140m² xây trên đất của bố mẹ chồng tại xóm Nam Thành, xã Yên Phong, huyện Yên Mô. Một thửa đất ở có diện tích 99,9m² tại xóm Nam Thành, xã Yên Phong, huyện Yên Mô đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Trần Văn L và chị Bùi Thị V. Một thửa đất ở có diện tích 137,7m² tại xã Yên Thành, huyện Yên Mô đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền V đất mang tên anh Trần Văn L và chị Bùi Thị V. Về công nợ: Chị V và anh L có nợ anh Bùi Văn Thế và chị Trương Thị Lan ở thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình V số tiền là 52.502.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm linh hai nghìn đồng). Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/8/2018 chị Bùi Thị V đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng. Xét thấy chị Bùi Thị V rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, công nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy cần đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị V về chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng.

[5] Án phí:

- Án phí ly hôn: Chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm chị Bùi Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho chị Bùi Thị V số tiền 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí về phần chia tài sản chung của vợ chồng.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị V. Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn đối V anh Trần Văn L. Quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị V và anh Trần Văn L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng chị Bùi Thị V và anh Trần Văn L.

3. Án phí:

- Chị Bùi Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trả lại cho chị Bùi Thị V 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002046 ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

4. Án xử công khai chị Bùi Thị V, anh Trần Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Y(2)
- Chi cục THADS huyện Y(1);
- UBND xã Y (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS, VP (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ký

Nguyễn Văn Huyền

Nguyễn Thị Hoa

